

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 6 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026**

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/01/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 1672/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/6/2022 của của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 186/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/01/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Đề án Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026; Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp thông báo kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026 như sau:

**1. Phương thức, thời gian tuyển sinh**

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển;
- Thời gian tuyển sinh: Bắt đầu từ ngày 06/6/2026.
- Thời gian đào tạo: 2,0 năm theo chương trình đào tạo.

**2. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh**

TT	Ngành/chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu	Thông tin liên hệ
1	Kỹ thuật cơ khí	8520103	40	PGS.TS. Dương Phạm Trường Minh ĐT: 0912804321
2	Kỹ thuật cơ khí (dạy bằng tiếng Anh)			PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Nga ĐT: 0355122138
3	Kỹ thuật cơ điện tử	8520114	30	PGS.TS. Dương Phạm Trường Minh ĐT: 0912804321
4	Kỹ thuật cơ khí động lực	8520116	30	PGS.TS. Lê Văn Quỳnh ĐT: 0917083522
5	Kỹ thuật ô tô	8520130	30	
6	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	8520216	22	PGS.TS. Vũ Văn Thắng ĐT: 0915176569
7	Kỹ thuật điện	8520201	40	PGS.TS. Vũ Văn Thắng ĐT: 0915176569
8	Kỹ thuật điện (dạy bằng tiếng Anh)			PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Nga ĐT: 0355122138
9	Kỹ thuật điện tử	8520203	20	TS. Nguyễn Phương Huy ĐT: 0912488515
10	Kỹ thuật viễn thông	8520208	20	PGS.TS. Đào Huy Du ĐT: 0912347222
11	Kỹ thuật máy tính	8480106	30	PGS.TS. Nguyễn Tiến Duy ĐT: 0913573435

### 3. Đối tượng tuyển sinh

Người dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

3.1. Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

3.2. Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3.3. Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Công bố khoa học được quy định cụ thể như sau:

- Là tác giả chính của ít nhất 01 báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,5 trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành;

- Là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3.4. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường ĐHKTCN hoặc đơn vị đào tạo của ĐHTN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3.5. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo (CTĐT) thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà CTĐT được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).

3.6. Đối với CTĐT được dạy và học bằng tiếng Anh, người dự tuyển phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ, cụ thể khi có một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Chuẩn ngoại ngữ đầu vào:

Người dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, quy định tại Phụ lục của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GD&ĐT công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Trường hợp người dự tuyển chưa đáp ứng chuẩn năng lực ngoại ngữ tại thời điểm nộp hồ sơ, cần nộp bản cam kết và phải bổ sung chứng chỉ ngoại ngữ đạt chuẩn (từ Bậc 4 trở lên) trước thời điểm xét tuyển của đơn vị đào tạo. Việc bổ sung này là điều kiện để được công nhận trúng tuyển và đảm bảo đủ năng lực tham gia chương trình đào tạo bằng tiếng

Các văn bằng, chứng chỉ phải còn hiệu lực tính đến ngày thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển hợp lệ theo Thông báo tuyển sinh.

Điều kiện được miễn chuẩn ngoại ngữ đầu vào:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, quy định tại Phụ lục của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GD&ĐT công bố.

b) Chuẩn ngoại ngữ đầu ra:

Đối với chương trình đào tạo được dạy và học bằng tiếng Anh, học viên đáp ứng điều kiện đầu vào theo quy định được xem là đáp ứng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.

3.7. Ngành phù hợp là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ (*Phụ lục 1 đính kèm*).

3.8. Danh mục ngành phù hợp đối với từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp người dự tuyển phải hoàn thành học bổ sung kiến thức được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường (*Phụ lục 1 đính kèm*)

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ (*Phụ lục 2 đính kèm*)

#### 4. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

4.1. Căn cứ xét tuyển

- Căn cứ kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc tương đương để xét tuyển.

- Căn cứ vào điểm của 02 môn xét tuyển.

- Môn xét tuyển là các môn cơ sở và môn chủ chốt của ngành xét tuyển.

4.2. Nguyên tắc xét tuyển

- Điểm xét tuyển là tổng điểm của các thành phần: Điểm môn Cơ sở, điểm môn Chủ chốt, điểm thưởng và điểm ưu tiên.

- Điểm môn Cơ sở, điểm môn Chủ chốt được quy đổi theo thang điểm 10 và phải đạt từ 5,0 điểm trở lên.

- Điểm thưởng gồm điểm trung bình tích lũy ở bậc đại học và điểm công bố khoa học, cụ thể như sau:

+ Điểm trung bình tích lũy ở bậc đại học quy đổi

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Điểm thưởng
1	Từ 9,0 đến 10	A <sup>+</sup>	Từ 3,6 đến 4,0	1,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	Từ 3,2 đến 3,59	0,5

+ Điểm công bố khoa học (đối với định hướng nghiên cứu): Điểm thưởng tính bằng điểm bài báo theo quy định của Hội đồng Giáo sư Nhà nước. Điểm thưởng bài báo tính tối đa 2,0 điểm.

## 5. Đối tượng và chính sách ưu tiên

### 5.1. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Con liệt sĩ; Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành; Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

- Người được ưu tiên cần nộp vào hồ sơ dự tuyển giấy tờ hợp lệ xác nhận thuộc đối tượng ưu tiên.

### 5.2. Mức ưu tiên

Người dự tuyển diện ưu tiên (kể cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 1,0 điểm (thang điểm 10) vào kết quả điểm môn Cơ sở.

## 6. Điều kiện xét trúng tuyển

- Người dự tuyển thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với môn cơ sở và môn chủ chốt (kể cả điểm ưu tiên, nếu có). Đối với môn thi tiếng Anh, người dự tuyển cần đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc đạt yêu cầu về chuẩn ngoại ngữ đầu vào như đã quy định tại Mục 3.1 của Thông báo này.

- Điểm trúng tuyển được lấy từ cao xuống thấp của điểm xét tuyển đến khi tuyển đủ chỉ tiêu tuyển sinh.

## 7. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

7.1. Phiếu đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc thủ trưởng cơ quan công tác (**Mẫu 1**)

7.2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc thủ trưởng cơ quan công tác (**Mẫu 2**). Ảnh trên sơ yếu lý lịch phải đóng dấu giáp lai.

7.3. Bản sao Giấy khai sinh; Căn cước công dân (*bản sao có công chứng*);

7.4. Bảng điểm Đại học/ Phụ lục văn bằng (*bản sao có công chứng*);

7.5. Bằng tốt nghiệp Cao đẳng/ Đại học (*bản sao có công chứng*);

7.6. Công văn của cơ quan cử đi dự thi (*nếu có*);

7.7. Bản sao các Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động (*nếu có*);

7.8. Hồ sơ xác nhận ưu tiên, *nếu có* (*bản sao có công chứng*);

7.9. Bảng điểm bổ sung kiến thức đối với các trường hợp cần bổ sung kiến thức (*bản sao có công chứng*);

7.10. Chứng chỉ miễn thi Ngoại ngữ, *nếu có* (*bản sao có công chứng*);

7.11. 02 ảnh 4x6 ghi rõ mặt sau ảnh họ tên, ngày sinh của người dự tuyển đựng trong bì thư.

7.12. Giấy khám sức khỏe.

- **Số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển:** 02 bộ như nhau (01 bộ nộp Đại học Thái Nguyên và 01 bộ lưu tại Trường).

## 9. Hướng dẫn quy trình và thủ tục nộp đăng ký hồ sơ dự tuyển trình độ thạc sĩ

- Người dự tuyển tải các mẫu giấy tờ tại website (<https://www.tnut.edu.vn/blog/sau-dai-hoc-13120000>)

- Hồ sơ dự tuyển chỉ được nhận khi có đủ các giấy tờ và được sắp xếp theo hướng dẫn tại Mục 7. Khi nộp hồ sơ, người dự tuyển cần mang theo các giấy tờ gốc để đối chiếu.

- Lệ phí xét tuyển: **500.000 đồng**.

- Thời gian nhận hồ sơ: giờ hành chính các ngày làm việc (từ thứ 2 đến thứ 6).

+ **Thời gian nhận hồ sơ:** Bắt đầu từ ngày **06/6/2026**.

Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Đào tạo (Phòng 405 Nhà Hiệu bộ) - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Số 666, Đường 3/2, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên (liên hệ Cô Nguyễn Thị Việt Hà - ĐT: **0973.473.655**).

**10. Thời gian xét tuyển** (Theo kế hoạch của Hội đồng tuyển sinh ĐHTN)

+ Dự kiến trước ngày 05/9/2026;

**11. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh và dự kiến nhập học**

**11.1. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh**

+ Dự kiến trước ngày 30/9/2026;

**11.2. Nhập học và khai giảng**

Kế hoạch cụ thể sẽ thông báo sau khi có kết quả trúng tuyển.

**12. Học phí trong quá trình học tập**

Học phí thông báo hàng năm và mức thu tăng giảm học phí được công bố công khai trên website của Nhà trường. Mức thu học phí năm học 2026-2027 là: 2.700.000/tháng.

**13. Thông tin tra cứu và liên hệ**

**13.1. Thông tin tra cứu**

- Giới thiệu về các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp: Xem tại website <https://www.tnut.edu.vn/dao-tao.html>

- Các mẫu giấy tờ trong hồ sơ dự tuyển: Xem tại website <https://www.tnut.edu.vn/Thông báo trình độ Thạc sĩ năm 2026>.

**13.2. Thông tin liên hệ**

Phòng Đào tạo, bộ phận Sau đại học, Phòng 405 Nhà Hiệu bộ, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Số 666, Đường 3/2, Phường Tích Lương, Tỉnh Thái Nguyên.

- Điện thoại: Thầy Đào Huy Du, 0912.347.222;

Cô Nguyễn Thị Việt Hà, 0973.473.655;

- Trang thông tin điện tử tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp: <https://www.tnut.edu.vn/>.  
Trân trọng thông báo. /.

**Nơi nhận:**

- HT, PHT;

- Khoa chuyên môn ĐTTĐ thạc sĩ;

- Lưu VT, ĐT.

**TL.HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**



**PGS.TS. Đào Huy Du**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN**

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng	Ngành phù hợp	Ngành gần
1	Kỹ thuật cơ khí (852.0103)	Kỹ thuật Cơ khí; Cơ khí Chế tạo máy; Công nghệ kỹ thuật Cơ khí; Công nghệ Chế tạo máy.	Kỹ thuật Cơ điện tử; Kỹ thuật Cơ khí động lực; Cơ kỹ thuật; Gia công áp lực; Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử; Công nghệ Cơ điện tử.	Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật nhiệt; Kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật nhiệt; Kỹ thuật Công nghiệp; Kỹ thuật không gian; SPKT Cơ khí; Công nghệ kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật vật liệu (chuyên ngành/hướng chuyên sâu: Cơ học biến dạng và cán kim loại); Kỹ thuật in. <i>Số tín bổ sung kiến thức tối đa 09 tín chỉ.</i>
2	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa (852.0216)	Các ngành thuộc nhóm ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	Các ngành phù hợp: Điện khí hóa xí nghiệp, Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.	Các ngành gần: Kỹ thuật điện, Hệ thống điện, SPKT Điện; Kỹ thuật điện điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử... <i>Số tín bổ sung kiến thức tối đa 09 tín chỉ.</i>
3	Kỹ thuật điện (852.0201)	Các ngành thuộc nhóm ngành Kỹ thuật điện: Hệ thống điện, Thiết bị điện, Kỹ thuật điện.	Các ngành thuộc nhóm ngành công nghệ Kỹ thuật điện.	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa, Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật viễn thông, Sư phạm kỹ thuật điện. <i>Số tín bổ sung kiến thức tối đa 10 tín chỉ.</i>
4	Kỹ thuật điện tử (852.0203)	Kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông.	Kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.	Kỹ thuật máy tính; Toán ứng dụng; KTĐK và TĐH; Công nghệ thông tin; SPKT Điện; SPKT Điện tử; Vật lý kỹ thuật; Cơ điện tử. <i>Số tín bổ sung kiến thức tối đa 12 tín chỉ.</i>
5	Kỹ thuật viễn thông (852.0208)	Kỹ thuật điện tử, viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông.	Kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.	Kỹ thuật máy tính; Công nghệ KT máy tính; Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; An toàn thông tin; Kỹ thuật Ra đa - dẫn đường; Toán ứng dụng; KTĐK và TĐH; Công nghệ KTĐK và TĐH; SPKT Điện; SPKT Điện tử; Vật lý Kỹ thuật; Cơ điện tử. <i>Số tín bổ sung kiến thức tối đa 09 tín chỉ.</i>

Số và ký hiệu: 428/TB  
Ngày ban hành: 01/06/2026

	Kỹ thuật cơ khí động lực (852.0116)	Nhóm ngành Kỹ thuật Ô tô, Kỹ thuật Cơ khí Động lực, Máy Xây dựng và Công nghệ Kỹ thuật Ô tô).	Nhóm ngành Kỹ thuật Cơ khí và Cơ kỹ thuật; SPKT Công nghiệp hướng chuyên sâu về (Cơ khí; Cơ học; Ô tô)	Các ngành thuộc nhóm ngành Kỹ thuật; Khoa học tự nhiên ... <i>Số tín bổ sung kiến thức dự kiến 09 tín chỉ.</i>
7	Kỹ thuật máy tính (8480106)	Kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính	Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Truyền thông và mạng máy tính, Toán tin ứng dụng.	Các ngành gần như Sư phạm Sư phạm Tin học, Sư phạm kỹ thuật tin, Tin học kinh tế, Hệ thống thông tin quản lý, Đại học tại chức ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện tử - (viễn) truyền thông, v.v. và các ngành khác thì cần học bổ sung kiến thức. <i>Số tín chỉ bổ sung kiến thức dự kiến 09-12 tín chỉ.</i>
8	Kỹ thuật cơ điện tử (8520114)	Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.	Các ngành dự thi tuyển phù hợp: Kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ chế tạo máy, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật tàu thủy, Công nghệ kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật ô tô, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật in.	Các ngành gần như: Sư phạm Kỹ thuật cơ điện tử, Sư phạm Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật hàng không, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật không gian... cần học bổ sung kiến thức. <i>Số tín chỉ bổ sung kiến thức dự kiến 09 tín chỉ.</i>
9	Kỹ thuật ô tô (8520130)	Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.	Các ngành phù hợp: Kỹ thuật cơ khí động lực; Kỹ thuật ô tô	Các ngành dự thi tuyển gần: - Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật: Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật nhiệt; Kỹ thuật công nghiệp; Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật không gian; Kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật năng lượng (thiên hướng về cơ khí động lực); - Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông: Kỹ thuật điện; Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật radar – dẫn đường; Kỹ thuật viễn thông. - Kỹ thuật mật mã và Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (thiên hướng về điều khiển và viễn thông ô tô thông minh và ); - Kỹ thuật hóa học, vật liệu,

Số và ký hiệu: 428/TB  
Ngày ban hành: 01/06/2026

			<p>luyện kim và môi trường: Kỹ thuật/Sư phạm hóa học; Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật môi trường thiên hướng về năng lượng và môi trường của phương tiện giao thông);</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Máy tính và công nghệ thông tin: Máy tính; Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Quản lý công nghệ thông tin; Quản lý Hệ thống thông tin (thiên hướng về lĩnh vực ô tô thông minh và giao thông thông minh)</li><li>- Kỹ thuật, sư phạm kỹ thuật và công nghệ kỹ thuật; khoa học tự nhiên liên quan đến lĩnh vực cơ khí động lực.</li></ul> <p><i>Số tín chỉ bổ sung kiến thức dự kiến 09 tín chỉ.</i></p>
--	--	--	--

Nong Minh Ngoc \_ 15:41 01/06/2026  
Phong Dao tao Dao Huy Du da ky, 01/06/2026 14:21:03

Nong Minh Ngoc \_ 15:41 01/06/2026  
Phong Dao tao Dao Huy Du da ky, 01/06/2026 14:21:03

Nong Minh Ngoc \_ 15:41 01/06/2026  
Phong Dao tao Dao Huy Du da ky, 01/06/2026 14:21:03

**PHỤ LỤC 2**  
**MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI**  
**MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN**

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ / Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0-5.0	5.5-6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ - 1	ТРКИ-2
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ Bậc 3 trở lên	Từ Bậc 4 trở lên
8	Aptis ESOL International Certificate	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	80 - 120 điểm	121 - 160 điểm
9	Pearson English International Certificate (PEIC)	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Cấp độ 2	Cấp độ 3
10	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	43 - 58	59 - 75

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Đợt tuyển sinh tháng ..... năm 20....

1. Họ và tên: ..... 2. Giới tính: Nam  Nữ
3. Sinh ngày: ..... tháng ..... năm ..... 4. Nơi sinh: .....
4. Căn cước công dân:.....
5. Nơi ở hiện nay: .....
6. Đối tượng dự thi: - Cán bộ công chức, viên chức được cử đi học   
- Thí sinh tự do  - Đối tượng khác
7. Đơn vị công tác:  
.....
8. Nghề nghiệp, chức vụ hiện tại:  
.....
9. Thâm niên công tác chuyên môn từ khi tốt nghiệp đại học:  
.....
10. Thuộc diện cán bộ: Biên chế  Hợp đồng
11. Văn bằng đại học: Trường tốt nghiệp (TN):  
.....  
Hệ đào tạo: ..... Ngành đào tạo: ..... Năm TN: ..... Loại TN .....
12. Văn bằng đại học khác (nếu có):  
.....
13. Văn bằng thạc sĩ: Trường tốt nghiệp (TN):  
.....  
Chuyên ngành đào tạo: ..... Năm TN: ..... Loại TN .....
14. Văn bằng thạc sĩ khác (nếu có): .....
15. Đăng ký học bổ túc kiến thức (nếu có): .....
16. Chuyên ngành đăng ký dự tuyển: .....
17. Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ: .....
18. Công trình nghiên cứu khoa học (nếu có): .....
19. Địa chỉ liên hệ với thí sinh: .....
- Số điện thoại:.....

Tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng tuyển sinh, chấp hành nghiêm chỉnh quy chế tuyển sinh. Nếu trúng tuyển tôi sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người học theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy định của Đại học Thái Nguyên.

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 20...

**Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan,  
hoặc Chủ tịch UBND Xã, Phường**

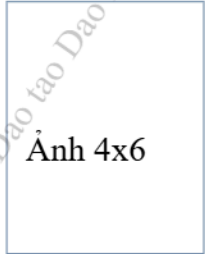
**Người đăng ký dự tuyển**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  
**KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

Họ và tên: .....  
Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....  
Nguyên quán: .....  
Nơi đăng ký thường trú hiện nay: .....  
.....  
Điện thoại: .....  
Dân tộc: ..... Tôn giáo .....  
Thành phần gia đình: .....  
Thành phần bản thân: .....  
.....  
Trình độ văn hóa: ..... Trình độ ngoại ngữ: .....  
Ngày kết nạp ĐCSVN: .....  
Tình trạng sức khỏe hiện nay: .....  
Nghề nghiệp: ..... Chức vụ: .....  
Cơ quan công tác: .....



Ảnh 4x6

**HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH**

Họ và tên bố: ..... Tuổi: .....  
Nghề nghiệp: .....  
Cơ quan công tác: .....  
Họ và tên mẹ: ..... Tuổi: .....  
Nghề nghiệp: .....  
Cơ quan công tác: .....  
Anh chị em ruột: .....  
1).....  
2).....  
3).....  
Vợ (chồng): ..... Tuổi: .....  
Nghề nghiệp: .....  
Nơi làm việc: .....  
Chỗ ở hiện nay: .....  
Các con:  
1).....  
2).....  
3).....

## QUÁ TRÌNH HỌC TẬP VÀ CÔNG TÁC

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

## KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

.....  
.....  
.....

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có điều gì khai man tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20...

**Xác nhận của cơ quan**  
**(hoặc Chính quyền địa phương)**

**Người khai ký tên**  
**(Ký và ghi rõ họ tên)**